

Bản án số: **309/2018/HS - PT**

Ngày: 28 - 11 - 2018.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Võ Ngọc Thông

Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thành An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông: Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 238/2018/HS-PT ngày 21/6/2018. Do có kháng cáo của bị cáo, đối với bản án hình sự sơ thẩm số 12/2018/ HS-ST ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/QĐXXPT ngày 06 tháng 11 năm 2018.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Vũ Anh H, sinh năm 1983 tại Khánh Hòa; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: N, Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; nghề nghiệp: Xây dựng; trình độ học vấn: 09/12; con ông Trần Hải C (1959) và bà Nguyễn Thị V(1959); vợ: Đinh Hoàng O (1985); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày **07/3/2017** đến ngày **06/06/2017** thay thế bằng biện pháp cho bảo lãnh. Bị cáo bị bắt tạm giam lại vào ngày 25/9/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư **Trần Minh T-** và Luật sư **Nguyễn Minh K**. Luật sư Công ty K thuộc Đoàn luật sư Thành Phố Đà Nẵng- bào chữa cho bị cáo Trần Vũ Anh H theo yêu cầu của bị cáo. Luật sư **T- K**; có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm: 1980. Địa chỉ: N; Anh M có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Nguyễn Xuân M1**, sinh năm 1947. Địa chỉ: N; Ông M1 có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bà **Đỗ Thị Tuyết M2**, sinh năm 1952. Địa chỉ: TP. Hồ Chí Minh; Bà M2 vắng mặt tại phiên tòa.

3. Chị **Đinh Hoàng O**, sinh năm 1985. Địa chỉ: TP. Hồ Chí Minh; Chị O có mặt tại phiên tòa.

****Những người tham gia tố tụng khác được triệu tập theo yêu cầu của luật sư.***

1. Ông: Trương Quang Thu - Kiểm sát viên VKS nhân dân tỉnh Khánh Hòa (có đơn xin xét xử vắng mặt)
2. Ông: Mai Lê Thắng – Điều tra viên công an tỉnh Khánh Hòa (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 03/2016, Trần Vũ Anh H thi công nhà nuôi yến cho anh Nguyễn Văn M nên quen biết nhau. Do không thực hiện được cam kết với anh Nguyễn Trọng T về việc mua 50 lô đất thuộc dự án X khu H (*H đã nhận tiền cọc 01 tỷ đồng*) và bị anh T nhiều lần đòi lại tiền cọc. Do vậy, H đã nói dối Anh M hiện nay Công ty X - Bộ Quốc phòng là chủ đầu tư của các Dự án đất tại khu vực sân bay N và H có quen biết với ông Phùng Quang H, Giám đốc và các lãnh đạo Công ty X - Bộ Quốc phòng nên H mua được giá gốc các lô đất tại khu vực sân bay N (*trong hẻm 86 T, N*) mà Công ty X - Bộ Quốc phòng đang quản lý và rao bán. Nếu Anh M có nhu cầu mua đất khu vực này kiếm lời thì đưa tiền cho H để đặt cọc mua 04 lô đất thuộc khu CL10 với tổng diện tích 415 m², giá 80 triệu đồng/m². Anh M tin H nói thật nên đồng ý sẽ chuyển tiền cho H để đặt cọc mua 02 lô đất với tổng diện tích 200m² với giá 80 triệu đồng/m².

Ngày 20/11/2016, H yêu cầu M chuyển 1,5 tỷ đồng vào tài khoản của H để ngày 21/11/2016 H ra Hà Nội gặp ông Phùng Quang H đặt tiền cọc cho Công ty X Bộ Quốc phòng và làm thủ tục nhận đất. Sáng ngày 21/11/2016, Anh M nhờ bố là ông Nguyễn Xuân M1 làm thủ tục nộp 1,5 tỷ đồng vào tài khoản của H số 1007281588 thuộc Ngân hàng S tại trụ sở Ngân hàng S chi nhánh Khánh Hòa. Sau khi tiền vào tài khoản, H đã rút ra số tiền là 01 tỷ đồng để trả nợ cho anh T và tiêu xài cá nhân.

Quá trình điều tra đã xác định toàn bộ khu vực đất thuộc sân bay N đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa giao cho ba đơn vị là: **Tổng công ty Y** (Y) quản lý, sử dụng theo Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 với diện tích 39515,5m²

thuộc phường P; **Kho bạc nhà nước chi nhánh Khánh Hòa** để xây dựng trụ sở theo Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 với diện tích 10805m² thuộc phường L; **Công ty cổ phần tập đoàn Phúc Sơn** quản lý, sử dụng theo Quyết định số 3262/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 với diện tích 623022,3m² thuộc phường L, P, H, L. Hiện nay cả ba đơn vị trên chưa thực hiện giao dịch mua bán đất.

Tại Cáo trạng số 21/QĐ/KSĐT-P2 ngày 13/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Trần Vũ Anh H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Vũ Anh H và vị luật sư bào chữa cho bị cáo H cho rằng: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa xác định hành vi của bị cáo Trần Vũ Anh H đã cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” ngay khi bị cáo nhận tiền từ Ông M1 là không đúng. Vì thông tin mà bị cáo H cung cấp cho Anh M về việc mua đất để bán lại kiếm lời hoàn toàn là sự thật, các lô đất thuộc khu CL10 đều có thật trên thực tế. Đồng thời, khi chuyển tiền cho bị cáo H thì mục đích chuyển tiền cũng được Ông M1 xác định là để đặt cọc mua đất chứ không xác định là mua đất của ai. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố bị cáo H và cho rằng bị cáo H xác định với Anh M là “*mua đất của Công ty X - Bộ quốc phòng*” là không đúng. Vì thông tin bị cáo H đưa ra là sự thật, các lô đất là có thật nên hành vi của bị cáo không cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Hơn nữa, sau khi biết các lô đất thuộc khu CL10 đang thuộc sự quản lý, định đoạt của Công ty tập đoàn Phúc Sơn, bị cáo H đã thông báo cho Anh M biết và yêu cầu Anh M tiếp tục thực hiện việc giao dịch mua bán đất nhưng Anh M không đồng ý. Như vậy, việc truy tố bị cáo H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là oan cho bị cáo vì bản chất vụ việc chỉ là quan hệ dân sự bình thường. Bên cạnh đó, khi Anh M yêu cầu H trả lại số tiền 1,5 tỷ đồng thì H đã đưa cho Anh M và Ông M1 một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên của H để làm tin và đến ngày 24/01/2017 thì bị cáo Trần Vũ Anh H đã viết một giấy cam kết với nội dung hẹn đến ngày 26/3/2017 sẽ trả lại toàn bộ số tiền 1,5 tỷ đồng cho Anh M. Tuy nhiên, chưa đến hạn trả nợ thì H đã bị khởi tố và bắt tạm giam từ ngày 07/3/2017. Việc H viết giấy cam kết trả tiền cho Anh M là sự thật và đã được M thừa nhận trong đoạn ghi âm mà bị cáo đã nộp cho Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo H đã cung cấp nhiều tài liệu, chứng cứ và Tòa án cũng đã nhiều lần trả hồ sơ điều tra bổ sung nhưng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa không tiến hành điều tra, xem xét các tài liệu, chứng cứ do bị cáo H cung cấp là vi phạm nguyên tắc suy đoán vô tội. Vì vậy, vị luật sư bào chữa cho bị cáo H đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để thu thập thêm các tài liệu, chứng cứ và triệu tập người bị hại để đối chất nhằm làm rõ các tình tiết liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa cho rằng: Hành vi của bị cáo Trần Vũ Anh H đã cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” ngay tại thời điểm bị cáo nhận tiền từ Ông M1 (do người bị hại M nhờ Ông M1 chuyển cho H) vì thông tin mà bị cáo H đưa ra là không đúng sự thật, mục đích chỉ để

Anh M tin mà chuyển tiền cho H. Sau khi nhận được tiền từ Ông M1, bị cáo đã ngay lập tức rút **01 (một) tỷ đồng** để trả nợ cá nhân cho anh T. Như vậy, ý thức của bị cáo là chiếm đoạt tiền của Anh M để giải quyết công việc cá nhân là rõ ràng và có ngay từ đầu. Thông tin về các lô đất mà bị cáo cung cấp cho Anh M hoàn toàn sai sự thật, khi bị cáo xác định các lô đất này là của Công ty X - Bộ quốc phòng. Vì tại thời điểm đó, các lô đất này không thuộc sự quản lý, định đoạt của bị cáo cũng như của Công ty X - Bộ quốc phòng. Hơn nữa, tại phiên tòa, bị cáo xác định đã dấu thông tin về các lô đất đối với Anh M khi chỉ nói với Anh M là các lô đất này là của bị cáo, thông tin này là sai sự thật. Do hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành ngay từ khi nhận tiền của người bị hại nên sau đó có việc bị cáo cam kết trả nợ cho người bị hại hay không cũng chỉ có giá trị xem như bị cáo khắc phục hậu quả.

Với nội dung nêu trên tại bản án hình sự sơ thẩm số 12 /2018/HS-ST ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Trần Vũ Anh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999; áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Xử phạt bị cáo Trần Vũ Anh H 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 07/3/2017 đến ngày 06/6/2017.

Ngoài ra án sơ thẩm còn giải quyết về dân sự, quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, bị cáo Trần Vũ Anh H kháng cáo kêu oan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo **Trần Vũ Anh H** vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp Cao tại Đà Nẵng đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo hủy án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không phạm tội.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo, ý kiến người bào chữa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình xây dựng nhà yến đã quen biết với người bị hại Nguyễn Văn M, bị cáo nói với Anh M là mình có khả năng mua được các lô đất thuộc dự án sân bay N cũ với giá sàn và nếu Anh M muốn mua thì bị cáo sẽ mua giúp. Anh M tin lời bị cáo nên đã nhờ Ông M1 chuyển cho bị cáo số tiền là 1,5 tỷ đồng để đặt cọc mua các lô đất thuộc khu CL10 thuộc dự án đất sân bay N cũ. Bị cáo H thừa nhận sau khi nhận tiền, bị cáo đã rút **01 (một) tỷ đồng** để trả nợ cho anh T, số tiền **500.000.000đ** còn lại bị cáo sử dụng mua vật tư xây dựng các nhà yến. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của Anh M, anh T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên có cơ sở để xác định việc Anh M đưa cho bị cáo H số tiền **1,5 tỷ đồng** để bị cáo đặt mua các lô đất thuộc khu CL10 là đúng sự thật và sau khi nhận tiền, bị cáo đã sử dụng vào mục đích cá nhân.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”** như án sơ thẩm đã tuyên; Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 2 năm 2017 (BL 53) lúc này bị cáo còn tại ngoại bị cáo khai rằng *“Tôi nói với Anh M có 04 lô đất tại khu vực sân bay N tổng diện tích 04 lô là 415 m² giá 80 triệu đồng một mét vuông, đây là đất của Công ty X Bộ Quốc Phòng. Tôi nói với Anh M có quen với anh N, có quan hệ làm ăn bất động sản với Công ty X Bộ quốc Phòng. Nếu đồng ý thì chuyển tiền cho tôi để tôi chuyển tiền cho anh N đặt cọc”* cũng tại biên bản lấy lời khai này bị cáo khai nhận rằng đã chuyển tiền vào tài khoản cho anh N. Tuy nhiên khi hỏi về việc giao tiền cho anh N có giấy xác nhận không thì bị cáo khai không có giấy xác nhận tiền, đồng thời cũng không biết lai lịch địa chỉ của anh N.

Tại biên bản đối chất giữa bị cáo với anh Nguyễn Thành N (BL 59) bị cáo thừa nhận không đưa tiền cho anh N.

Tại bản lấy lời khai ngày 29 tháng 5 năm 2017 có đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa và có luật sư Trần Quốc T là người bào chữa cho bị cáo tham gia, chứng kiến việc lấy lời khai bị cáo thừa nhận đã nói dối Anh M là có khả năng mua đất khu dự án X làm Anh M tin là thật chuyển vào tài khoản cho bị cáo 1,5 tỷ, để bị cáo mua đất, sau khi có tiền của Anh M bị cáo lấy 1 tỷ đồng trả cho anh T do trước đó bị cáo có nhận của anh T 01 tỷ tiền nhận đặt cọc bán đất.

Cũng tại bản khai của chị Đinh Hoàng O là vợ của bị cáo. Chị O cũng khai nhận bị cáo có nói với Chị O do bị cáo bị người khác lừa do vậy bị cáo tìm cách lừa Anh M để chiếm đoạt 1,5 tỷ.

[3] Xét thấy lời khai nhận của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, và người làm chứng, phù hợp với tài liệu

chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét thấy có đủ căn cứ để khẳng định, do cần tiền để dùng vào việc các nhân, bị cáo **Trần Vũ Anh H** đã có hành vi gian dối bằng cách đưa ra thông tin về mua bán nhà đất, để bị hại tin H có khả năng làm được, sau khi nhận tiền của bị hại bị cáo không thực hiện việc đặt tiền mua đất, mà lấy ngay tiền đó đi trả nợ và tiêu sài cá nhân. Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người đúng tội không oan.

Tại phiên tòa hôm nay luật sư và bị cáo cho rằng quan hệ giữa bị cáo và Anh M chỉ là quan hệ dân sự, do vậy bị cáo không phạm tội như án sơ thẩm quy kết. Xét thấy nội dung bào chữa của luật sư không được chấp nhận như đã nhận định nêu trên.

[4] Về mức hình phạt: Do bị cáo kháng cáo kêu oan, nay có đủ căn cứ khẳng định bị cáo có tội, do vậy về hình phạt tuyên xử bị cáo ở cấp sơ thẩm, không được cấp phúc thẩm xem xét.

Từ những nhận định, nêu trên xét thấy đơn kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo **Trần Vũ Anh H**. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số:12/2018/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

1. Tuyên bố:

Bị cáo Trần Vũ Anh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999; áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Xử phạt bị cáo Trần Vũ Anh H 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam ngày 25/9/2018 nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 07/3/2017 đến ngày 06/6/2017.

3. Về án phí: Bị cáo Trần Vũ Anh H phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THA Dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Trại tạm giam CA tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Thành